

Số: 13 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 46 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mỏ-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất theo quy định hiện hành. 

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD



Chủ tịch

Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất
(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,33	3	100
Tiêu chí 1.1	5			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	3			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	3			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	4			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,43	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	5			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	5			
Tiêu chí 6.7	5			
Mức trung bình		Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,03		46		92

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			



PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật mỏ (KT mỏ) của Trường Đại học Mỏ-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ sư KT mỏ giai đoạn 2015-2019 cho thấy, Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu Giáo dục đại học Việt Nam, với Sứ mạng và Mục tiêu của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ. Chuẩn đầu ra thể hiện được mục tiêu của CTĐT, xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức và vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu đào tạo, cân đối về tỷ lệ các khối kiến thức, có cập nhật kiến thức mới về lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù từng môn học. Công tác kiểm tra/đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, với hình thức đa dạng, được triển khai theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo công bằng, khách quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có cơ chế phản hồi kết quả học tập kịp thời cho người học. Công tác cán bộ được xây dựng và triển khai căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ của sinh viên được thiết lập và triển khai; các hoạt động hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, tư vấn việc làm cho sinh viên, tổ chức cho sinh viên thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp có sự tham gia của các kỹ sư giàu kinh nghiệm ngoài Trường,... được chú trọng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện cơ bản để hỗ trợ tốt hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản trị kết quả đầu ra của CTĐT đầy đủ, chức năng nhiệm vụ được quy định rõ ràng; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được thiết lập và triển khai.

Tuy nhiên, CTĐT KT mỏ vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở

khảo sát các bên liên quan, phù hợp với đặc thù của CTĐT, cụ thể hóa Tầm nhìn và Sứ mạng của Nhà trường và Chiến lược phát triển lĩnh vực Mô-Địa chất của quốc gia. Cần xác định cụ thể hơn các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám sát yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra CTĐT đến đầy đủ các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT. Cần chuẩn hóa quy trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT nhằm tăng tính thống nhất và hiệu quả trong quản lý, triển khai và kiểm soát. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần để các bên liên quan dễ dàng nắm bắt, xây dựng kế hoạch và thực hiện.

3. Cần rà soát ma trận chuẩn đầu ra đảm bảo đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và xác định được sự đóng góp của tất cả các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra. Cần bảo đảm nội dung kiến thức của các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Cần chú ý đối sánh các CTĐT tiên tiến, tham khảo đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về triết lý giáo dục đến các bên liên quan. Cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học, chú ý kết hợp chặt chẽ việc trang bị kiến thức với rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, kết hợp giảng dạy chuyên môn với trang bị tầm nhìn và đạo đức nghề nghiệp cho người học. Chú trọng đẩy mạnh triển khai hình thức đào tạo E-learning, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học. Các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá cần hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp để đánh giá được năng lực của người học, đặc biệt là mức độ đạt được các chuẩn về kỹ năng và thái độ. Cần có hình thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học của sinh viên, cũng như hệ thống theo dõi, hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập với mục đích đưa ra các cảnh báo, thúc đẩy và hỗ trợ người học kịp thời. Cần chú trọng nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung những chính sách mới, cập nhật

về công tác cán bộ. Cần rà soát, điều chỉnh những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Cần có giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, gia tăng cường các nghiên cứu liên ngành, ứng dụng hay hướng thương mại hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn để phát huy tiềm năng, thế mạnh của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, của các nhóm nghiên cứu. Cần chú trọng khảo sát lấy ý kiến về việc giám sát khối lượng và chất lượng công việc được giao của cán bộ, giảng viên để có kế hoạch cải tiến.

7. Cần rà soát, đánh giá vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp với thực tế. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả công việc. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu thực tế, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hoạt động hỗ trợ.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT. Cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học có năng lực vào học CTĐT. Cần thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; chú trọng tạo dựng môi trường học thuật trong sinh viên, tăng cường tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa khọc kỹ thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, seminar học thuật..., tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ dạy học theo mô hình công nghệ số tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần khẩn trương nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi đầy đủ, đồng bộ của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong

phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo của CTĐT KT mở với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh. 
